TÒA ÁN NH DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **114**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2018
V/v Tranh chấp về ly hôn

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**
2. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Thư ký Tòa án của Tòa án nH dân huyện Bình Chánh.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1270/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 267/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 235/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Thân Thị Thu T**, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: B11/4 ấp 2, xã Đ, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Hữu P**, sinh năm; 1972.

Địa chỉ: C8/5A1 ấp 3, xã Đ, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà T và ông P vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Thân Thị Thu T trình bày: Bà và ông Nguyễn Hữu P chung sống với nhau từ năm 2006, do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, không có gì xảy ra. Tuy nhiên, vào năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hay

cãi vã nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà T đã nhiều lần hàn gắn tình cảm gia đình nhưng cuộc sống hôn nhân gia đình vẫn không hạnh phúc. Hiện vợ chồng đã sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hữu P.

Về con chung: Bà T và ông P có 02 con chung tên Nguyễn Thụy Kim H, sinh ngày: 19/02/2007 và Nguyễn Thụy Kim H, sinh ngày: 13/11/2008. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 trẻ và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác nhận không có.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu P vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Thân Thị Thu T nộp đơn xin ly hôn đối với ông Nguyễn Hữu P. Ông Nguyễn Hữu P hiện đang cư trú tại huyện C. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Nguyễn Hữu P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hữu P theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Thân Thị Thu T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Nguyễn Hữu P đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa bà Thân Thị Thu T và ông Nguyễn Hữu P nhưng ông không đến Tòa án để giải quyết. Vì vậy, ông P tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, ông P phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 102, do Ủy ban nhân dân phường T, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/10/2006 có cơ sở

xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Thân Thị Thu T và ông Nguyễn Hữu P là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông P không thể hàn gắn được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà T thì giữa bà và ông P bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau, ông P không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Vợ chồng đã sống ly, như vậy vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa, ông P cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thân Thị Thu T đối với ông Nguyễn Hữu P.

[6] Về con chung: Bà T và ông P có 02 con chung tên Nguyễn Thụy Kim H, sinh ngày: 19/02/2007 và Nguyễn Thụy Kim H, sinh ngày: 13/11/2008. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 trẻ H và H, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy nguyện vọng của bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 trẻ và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu này là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời tại biên bản ghi nhận ý kiến trẻ nếu ba mẹ không sống chung với nhau thì trẻ H và trẻ H đều muốn sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao trẻ Nguyễn Thụy Kim H, sinh ngày: 19/02/2007 và Nguyễn Thụy Kim H, sinh ngày: 13/11/2008 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo cho điều kiện phát triển bình thường của trẻ và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông P.

[7] Về tài sản chung: Bà Thân Thị Thu T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về nợ chung: Bà Thân Thị Thu T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Bà Thân Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 203, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thân Thị Thu T đối với ông Nguyễn Hữu P.

Bà TH Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Hữu P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 102, do Ủy ban nhân dân phường T, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/10/2006 không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Bà Thân Thị Thu T và ông Nguyễn Hữu P có 02 con chung tên Nguyễn Thụy Kim H, sinh ngày: 19/02/2007 và Nguyễn Thụy Kim H, sinh ngày: 13/11/2008. Giao 02 con chung tên Nguyễn Thụy Kim H, sinh ngày: 19/02/2007 và Nguyễn Thụy Kim H, sinh ngày: 13/11/2008 cho bà TH Thị Thu T tiếp tục nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Hữu P.

Ông Nguyễn Hữu P có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Bà Thân Thị Thu T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà Thân Thị Thu T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Thân Thị Thu T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0030679 ngày 02/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Kim Định